

# VAI TRÒ CỦA ANH HÙNG DÂN TỘC LÝ THƯỜNG KIỆT NGƯỜI CHỈ HUY ĐẠO QUÂN TRIỀU LÝ KHAI MỞ PHƯƠNG NAM THU HỒI MẢNH ĐẤT QUẢNG BÌNH VỀ ĐẠI VIỆT THẾ KỶ XI

**CN. TRẦN THỊ DIỆU HỒNG**

Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Bình

## 1. Thân thế sự nghiệp

Quảng Bình là tỉnh có bề dày lịch sử từ rất lâu đời. Từ thời đại đồ đá đến đồ đồng và sự ra đời của nhà nước Văn Lang với tên gọi là "Bộ Việt Thường". Trong quá trình dựng nước, giữ nước trải qua hàng ngàn năm, mảnh đất Quảng Bình đã cùng với cả nước xây dựng và phát triển cho đến nay. Trong quá trình lịch sử đó, nhiều danh nhân trong và ngoài tỉnh đã có nhiều công lao, góp phần định hình và phát triển vùng đất Quảng Bình. Ở bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến một nhân vật lịch sử, một anh hùng của dân tộc đã có công đưa mảnh đất Quảng Bình sáp nhập vào với quốc gia Đại Việt cách đây 10 thế kỉ - Đó là anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt. Ông được lịch sử ghi nhận là vị anh hùng dân tộc có nhiều đóng góp trong công cuộc phá Tống bình Chiêm, đưa phần đất phía Nam của Đại Việt vào đến miền Trung Trung Bộ.

Lý Thường Kiệt là một nhân vật lịch sử kiệt xuất của dân tộc Việt Nam hồi thế kỉ XI, ông là con của Sùng Tiết tướng quân Ngô An Ngữ và bà Hàn Diệu Chi. Ngô An Ngữ là tướng của Khai Quốc Vương Lý Long Bồ - người con trai thứ hai của Lý Thái Tổ. Ngô An Ngữ (tức Ngô Ích Vệ - con thứ của Ngô Xương Xí - một sứ quân ở Bình Kiều, Thanh Hóa; họ Ngô gốc xứ Thanh thế kỉ X). Khi Lý Công Uẩn lên ngôi vua (1010), Ngô An Ngữ ra làm một quan võ chức nhỏ (Sung bang lang tướng) và đưa gia

đình về sống tại phường Thái Hòa (Thăng Long) - làng An Xá, Quảng Đức (nằm phía nam Hồ Tây). Về sau do mở rộng đê Cơ Xá (tức đê sông Hồng), làng An Xá dời đến bãi Cơ Xá. Bãi này sau dân đến lập nghiệp đông, lập một xã mới là xã Phúc Xá. Gia đình của ông Ngô An Ngữ nằm ở thôn Bắc của xã này. Thôn Bắc Biên xưa, nay thuộc xã Ngọc Thụy, Gia Lâm - Hà Nội. Sau này gia đình của Ngô An Ngữ có danh vọng đã chuyển về phường Thái Hòa thuộc nội thành (Hà Nội). Lý Thường Kiệt được sinh hạ tại đây, ông có tên là Ngô Tuấn. Ông sinh năm Kỷ Mùi 1019, tức năm Thuận Thiên thứ 10, đời vua Lý Thái Tổ (1010-1028) và sau đó một người em của Ngô Tuấn là Thường Hiền cũng được ra đời tại đây. Như vậy, ông quê gốc Thanh Hóa nhưng sinh ra ở kinh thành Thăng Long nên ông trở thành con người của kinh thành Thăng Long. Năm 1031 cha mất lúc ông 13 tuổi, năm 1036 mẹ mất lúc ông 18 tuổi. Ông được người chồng của cô là Tạ Đức động viên giúp đỡ nên ham đọc sách. Ông quyết tâm học võ, học chữ để làm rạng danh cho đất nước và gia đình. Ngô Tuấn có vẻ tươi đẹp và được ngợi ca là người thông minh và có nhiều tài nghệ đặc sắc trong lĩnh vực quân sự. Năm 15 tuổi, ông say mê luyện tập bắn cung, cưỡi ngựa, lập doanh trại, bày trận địa, đêm học binh pháp của Tôn Tử và Ngô Khôi. Lúc mẹ mất, Ngô Tuấn cùng em trai Thường Hiền lo tang mẹ theo đủ mọi lễ nghi

lúc bấy giờ. Sau khi hết tang mẹ, Ngô Tuấn nhận chức Kỵ Mã Hiệu Uy, một chức quan nhỏ trong đội kỵ binh. Lúc 22 tuổi (1041), dưới thời vua Lý Thái Tông, Ngô Tuấn được nhận chức Hoàng Môn Chi hậu - ngạch thị vệ hầu vua (một chức hoạn quan nhỏ trong triều). Nhưng theo bia chùa Linh Xứng và bia Ngọ Xá (Hà Ngọc, Hà Trung, Thanh Hóa) dựng năm 1126 đã nói rằng: "Lúc quan Thái Úy - tức Lý Thường Kiệt - Ngô Tuấn - còn trẻ được chọn vào cấm đình, hầu vua Thái Tông, chưa đầy một kỷ, tiếng khen đã nức ở nội đình). Đến khi vua Thánh Tông nối ngôi trị nước, Thái Úy hết lòng mình giúp đỡ, ra sức siêng năng nổi bật trong hàng tả hữu, được thăng chức Kiêm Hiệu Thái Bảo.

Bắt đầu từ khi làm trong triều, Lý Thường Kiệt đã tỏ rõ năng lực phi thường của mình. Ông đã làm quan trải qua 3 đời vua Lý là Lý Thái Tông (1028-1054), Lý Thánh Tông (1054-1072), Lý Nhân Tông (1072-1077). Lúc còn trẻ ông rất khôi ngô tuấn tú được phong "Đệ nhất mỹ nam tử". Từ khi làm việc trong cung, với tài năng đó của ông, vua đổi họ cho ông sang cho họ Lý - Lý Thường Kiệt. Ông giữ chức Thái tử mật thư tể sự, giúp Thái tử Lý Nhật Tôn ở Đông Cung tức vua Lý Thái Tông - Sau khi giữ chức Hoàng Môn Chi hậu, được một thời gian ông giữ chức Nội Thị Sảnh Đô tri. Sau đó giữ chức Đình Úy Sứ trông coi việc hình án trong triều. Năm 1042, vua Lý Thái Tông giao cho ông cùng một số đại thần soạn thảo bộ Luật Hình thư, bộ luật này được xem là bộ luật hình sự đầu tiên của nước ta. Từ một chức quan nhỏ, ông được thăng đến chức Phụ Quốc Thái Phó, Dao Thụ Chư Trấn Tiết Độ, Đồng Trung Thư Môn Hạ, Thượng Trụ Quốc, Hà Thái Úy - Tước Khai Quốc Công và được nhận Thiên Tử Nghĩa Đệ (em kết nghĩa của Thiên Tử). Lý Thường Kiệt có 3 cống hiến lớn: Không ngừng nêu cao tầm gương trung kiên ái quốc tốt đẹp của một bậc đại thần khi vận nước

lâm nguy cũng như khi non sông thái bình. Hai là ông đã cùng với vua và triều đình trong sự nghiệp xây dựng đất nước, đặc biệt là góp phần củng cố sức mạnh của bộ máy nhà nước đương thời. Ba là Lý Thường Kiệt là người vạch và trực tiếp kế hoạch chiến lược, trực tiếp chỉ huy những trận đánh lừng danh nhất ở thế kỉ XI, đập tan hoàn toàn mưu đồ xâm lăng nguy hiểm và xảo quyệt của quân Tống, bảo vệ vững chắc nền độc lập của nước nhà. Trong khoảng thời gian 10 năm, sau khi Lý Thánh Tông qua đời (1069), Lý Thường Kiệt thực sự là linh hồn của đất nước, là người chịu trách nhiệm lớn nhất trong sự nghiệp điều khiển vận mệnh quốc gia.

### **2. Đóng góp của Lý Thường Kiệt - người chỉ huy đạo quân thời Lý khai mở phương Nam đưa vùng đất Quảng Bình sáp nhập vào quốc gia Đại Việt**

Giữa thế kỉ XI, nhà Tống chủ trương huy động một lực lượng mạnh hùng xâm lược Đại Việt. Nhà Tống cho lập 3 căn cứ quân sự lớn: Ung Châu, Châu Khâm, Châu Liêm sát biên giới phía Bắc của Đại Việt. Tình hình biên giới rất căng thẳng. Trong lúc đó, nhà Tống cũng tìm mọi cách để bao vây và cô lập nước ta, ngày đêm tính kế chia rẽ, xúi giục những kẻ chống đối với chính quyền, những tướng lĩnh cao cấp trong triều Lý giữa phe Thái hậu Thượng Dương và phe Thái phi Ý Lan. Ở phía Nam, sau một thời gian phục hồi, vua Chiêm Thành là Chế Củ lại bắt đầu gây rối ở biên cương phía Nam. Năm 1068, vua Chiêm một mặt nộp cống phẩm, mặt khác lại quấy nhiễu biên giới. Như vậy, cả biên giới phía Bắc và phía Nam của Đại Việt bị dồn ép bởi 2 gọng kìm quân sự. Vua tôi nhà Lý sớm nhận ra cuồng vọng của kẻ thù, vua Lý Thánh Tông quyết định đánh Chiêm. Tháng 2 năm Thiên Huống Bảo Tượng thứ hai Kỷ Dậu (1069), vua Lý Thánh Tông thân chinh cầm quân cùng với tướng quân Lý Thường Kiệt dẫn 50 nghìn quân đánh vào kinh thành Phật Thệ (tức Vi JaYa -

Bình Định) của Chiêm Thành. Công việc triều chính của nhà Lý được giao cho Nguyên phi Ý Lan trông coi. Đại Việt sử ký toàn thư chép: Vua đánh Chiêm Thành mãi không được, đem quân về đến châu Liên Cư, nghe tin Nguyên phi giúp việc nội trị, lòng dân cảm hóa hòa hợp, trong cõi vững vàng, tôn sùng phật giáo, dân gọi bà là quan âm, vua nói “Nguyên phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là nam nhi lại chẳng làm được việc gì hay sao! bèn quay lại đánh nữa, thắng được”. Vua Lý Thánh Tông cùng với tướng quân Lý Thường Kiệt dẫn quân tiến bằng



Đền thờ Lý Thường Kiệt ở phố Nguyễn Huy Tụ phường Bạch Đằng (đất làng Cơ Xá cũ) quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Ảnh: TL

đường biển vào đến cửa Nhật Lệ. Thủy quân Chiêm chặn đánh dữ dội. Vua sai tướng Hoàng Kiện đốc thúc quân sĩ đánh trực diện. Quân Chiêm không đánh nổi phải bỏ chạy vào phía trong. Khi đến kinh đô Phật Thệ, quân lính đổ bộ tiến đánh quân Chiêm hai bờ sông Tu Mao. Trong trận này hai anh em Lý Thường Kiệt và Thường Hiến lập công xuất sắc. Vua Chiêm là Chế Củ (Rudereverna III) đưa vợ con bỏ thành chạy vào phía Nam. Quân Lý Thường Kiệt vào thành đuổi bắt được Chế Củ đưa về Thăng Long. Để chuộc mạng, Chế Củ xin dâng ba châu: Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh (tức vùng đất của Quảng Bình và Bắc Quảng Trị ngày nay) cho Đại Việt. Vua Lý Thánh Tông chấp nhận tha cho Chế Củ về nước. Theo Đại Việt sử ký toàn thư: Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh đổi thành Bố Chính, Lâm Bình và Minh Linh.

Chiến thắng của quân dân Đại Việt có ý nghĩa quan trọng đối với vùng đất Quảng Bình. Năm 1069, địa bàn Quảng Bình và một phần lãnh thổ phía Bắc Quảng Trị đã được sáp nhập vào quốc gia Đại Việt. Biên giới Đại Việt đã vượt qua khỏi Hoành Sơn Quan (Đèo Ngang)

tiến về phía Nam, mở đầu cho công cuộc mở cõi về phương Nam. Trong cuộc chiến tranh với Chiêm Thành, Đại Việt không có chủ trương chiếm đất, giành dân, thiết lập bộ máy chính trị mà xuất phát từ mục đích bảo vệ biên cương phía Nam, để tập trung đối phó với kẻ thù phía Bắc. Trong khi đó người Chiêm đã nhiều lần mở rộng lãnh thổ về phía Bắc, liên tiếp tổ chức chiến tranh và liên tiếp gặp thất bại.

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông qua đời khi công cuộc chuẩn bị đối phó với quân Tống phía Bắc đang dang dở. Vua nối nghiệp là Lý Nhân Tông (1072-1127) tuổi đang nhỏ cho nên mọi trọng trách lớn đều do Lý Thường Kiệt đảm nhiệm. Lúc này Lý Thường Kiệt giữ chức Phụ Quốc Thái Úy, cương vị như vị tể tướng. Ở một chừng mực nhất định thì Lý Thường Kiệt là linh hồn của sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc trong giai đoạn lịch sử cụ thể này. Lý Thường Kiệt đã để lại cho lịch sử một trong điển hình vô giá về kinh nghiệm chuẩn bị ứng phó. Về chính trị, ông chủ động cho khôi phục và củng cố khối đại đoàn kết. Ông nêu tám gương cảm

động về hàn gắn vết rạn nứt trong nội bộ quý tộc và tướng lĩnh. Ông đã mời Lý Đạo Thành về kinh đô giữ chức vụ cũ, còn ông chỉ trông coi việc chỉ huy quân đội. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, ông dùng nhiều biện pháp lôi kéo cho phép đồng bào được xét xử tội nhân theo phong tục tập quán riêng của họ chứ không nhất thiết phải theo bộ luật của triều đình (Luật Hình thư 1042). Đối với các vị tù trưởng được triều đình ban cho nhiều đặc quyền đặc lợi, phong hàm tước cao. Triều đình gả công chúa cho các tù trưởng. Vì thế mối liên hệ giữa cộng đồng với quốc gia nhanh chóng được tăng cường và củng cố. Về quân sự, Lý Thường Kiệt chủ trương tích cực và táo bạo như chủ động tấn công thành Ung Châu, Châu Khâm, Châu Liêm của nhà Tống với tư tưởng tấn công để tự vệ từ hai phía.

Tháng 8 năm Ất Mão (1075), Lý Thường Kiệt chỉ huy quân đánh Chiêm Thành. Ông vâng mệnh triều đình vẽ bản đồ ba châu: Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh. Lý Thường Kiệt vâng mệnh vua Lý Thánh Tông, quyết định đổi tên châu Bố Chính thành Bố Chính, Địa Lý thành Lâm Bình, Ma Linh thành Minh Linh; chiêu mộ cư dân Đại Việt đến khai phá vùng đất mới này nhằm tạo ra một lực lượng bảo vệ vùng biên cương phía Nam của Đại Việt, ban hành một nền hành chính, ổn định cuộc sống nơi phen dậu xa xôi của Tổ quốc, thể hiện sự chuyển biến từ chiến tranh qua hòa bình ở vùng đất mới bình định. Các triều đại kế tiếp của Chiêm Thành vẫn còn âm mưu và chờ thời cơ sẽ chiếm lại vùng đất bị mất. Lý Thường Kiệt lại một lần nữa thân chinh cầm quân dẹp loạn (Quý Mùi 1103). Đại Việt sử ký toàn thư chép: "Quý Mùi (1103) mùa đông tháng 10, người Diên Châu là Lý Giác mưu làm phản... việc tâu lên, vua sai Lý Thường Kiệt đi đánh, Giác thua, trốn sang Chiêm Thành, dư đảng đều bị dẹp yên" (Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, trang 284, Nxb KHXH, Hà Nội, 1998). Vua

Chiêm là Chế Ma Na lại cho quân đánh chiếm lấy lại ba châu do Chế Củ dâng. Lý Thường Kiệt lại đưa quân đi đánh. Với tài thao lược và sự đồng tình ủng hộ của nhân dân ba châu, Lý Thường Kiệt đã đánh tan quân Chiêm lấy lại vùng biên cương phía Nam, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Đại Việt vào năm 1104. Biên cương phía Nam được giữ vững, triều đại Chiêm phải thuần phục.

Với vùng đất Quảng Bình, Lý Thường Kiệt là người lãnh ấn tiên phong đưa vùng đất Bố Chính, Lâm Bình sáp nhập về với quốc gia Đại Việt. Ông là vị thành hoàng thủy tổ khai canh, mộ dân lập ấp vùng biên cương phía Nam của Tổ quốc ở thế kỉ XI - Vùng đất này trở thành phen dậu phía Nam của nhà Lý.

Với chính sách của nhà Lý coi trọng phát triển nông nghiệp, công cuộc khẩn hoang được tiến hành trên quy mô lớn. Người dân được nhận ruộng đất cày cấy. Triều đình giảm tô miễn thuế cho dân khi bị mất mùa, ra lệnh cấm giết mổ trâu bò để bảo vệ sức kéo. Hệ thống đê điều được củng cố, người dân di cư bằng đường bộ và đường thủy đến khai phá vùng đất Lâm Bình (Quảng Ninh - Lệ Thủy ngày nay) là vùng đất đai màu mỡ phì nhiêu, điều kiện địa lý thuận lợi. Đây là vùng đất có ý nghĩa quan trọng cả về mặt quân sự và là vùng biên ải phía Nam của đất nước lúc bấy giờ. Triều đình với chính sách "ngụ binh ư nông" - lúc thời bình làm người dân nhưng lúc thời chiến là người lính đã động viên được nông dân trong sản xuất và trong chiến đấu. Họ tập trung thành từng làng xã. Sự cố kết cộng đồng trong họ tộc tạo nên sức mạnh cho họ trong khai sơn phá thạch. Những phong tục truyền thống đã được phát huy, họ đoàn kết đấu tranh trấn giữ biên cương phía Nam chống lại sự xâm lấn của Chiêm Thành. Về phía nhà nước đã chịu trách nhiệm tổ chức quản lý xã hội và gìn giữ độc lập tự chủ cho dân tộc. Việc bảo vệ, mở mang lãnh thổ quốc gia làm cho nước giàu, dân mạnh đã

trở thành ý thức thường trực trước hết là vì sự tồn tại của chính nó. Về phía nhân dân thì đã xây dựng được một cuộc sống phồn vinh trong cảnh tượng thanh bình của quốc gia độc lập tự chủ và đó không chỉ là nguyện vọng mà là yêu cầu sống còn mang tính truyền thống đã từng thử thách tôi luyện qua hàng ngàn năm trước.

Sau khi bình Chiêm, được dâng ba châu Địa Lý - Ma Linh - Bồ Chính, nhà nước phong kiến đã có chú ý đưa dân vào khai khẩn vùng đất biên giới phía Nam (Quảng Bình) cũng là vì mục tiêu chính trị - quân sự và có định hướng. Người Việt do nhà nước chiêu mộ đã di cư về phía Nam. Cư dân bản địa một phần của bộ lạc Cau Dừa (Chămpa) đã rút về phía Nam, một số dân bản địa sống trong các làng bản dân tộc còn lại rất thưa thớt. Bởi vậy, triều đình nhà Lý mà lúc đó danh tướng Lý Thường Kiệt đã đứng ra chiêu tập dân di cư vào khai canh mở cõi vùng đất phen đậu phía Nam của Đại Việt. Với vai trò to lớn của một người cầm quân, Lý Thường Kiệt là người khai canh mở cõi, mở rộng lãnh thổ về phía Nam. Vùng đất này đã phát triển về dân số, về diện tích canh tác,... tạo một bước phát triển mạnh mẽ toàn diện trong xã hội. Khôi phục và xác lập cho đất nước một tư thế vững chắc, giữ một vị trí và vai trò đáng kể trong sự tồn tại và phát triển chung của khu vực. Và cuối cùng là làm rõ thêm sức sống mãnh liệt, bản lĩnh vững vàng của cộng đồng dân tộc Việt trên địa bàn gốc của mình, người Việt đã có ý thức và chủ động sẵn sàng đón nhận ảnh hưởng văn hóa, văn minh từ những nơi khác, làm phong phú kho tàng văn hóa của dân tộc góp phần đưa đất nước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên Đại Việt với nền văn hóa Thăng Long rực rỡ.

### 3. Một vài suy nghĩ thay lời kết

Với cuộc chiến tranh đánh bại quân Chămpa, phía Nam sáp nhập vùng đất Quảng Bình vào Đại Việt và đánh thắng quân Tống ở phía Bắc, Lý Thường Kiệt là một vị anh hùng

của dân tộc. Với tài mưu lược văn võ song toàn, ông đã có những chính kiến, những phương án tác chiến lãnh đạo nhân dân Đại Việt trên hai tuyến biên giới Bắc Nam về quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Không những thế về mặt xây dựng đất nước, ông cũng là nhân vật được người đời nể trọng. Ông đã dùng tài trí của mình để giải quyết mối đoàn kết trong đất nước giữa các tầng lớp quý tộc với nhau, giữa những người miền núi và người miền xuôi,... và hơn thế trong xây dựng đất nước với bộ luật Hình Thư ông là người có công đầu đã cùng các quan lại soạn thảo bộ luật nhằm xây dựng đất nước, xây dựng được nền độc lập. Về mặt ngoại giao, ông cũng là người tài giỏi. Khi đưa quân sang đánh ở đất Tống, đang trên thế thắng lớn nhưng ông lại cho đưa thư xin giảng hòa để với mong muốn duy nhất là giữ mối quan hệ bang giao hai nước trong một thời thế hòa bình không có chiến tranh.

Về văn hóa, ông cũng là con người tài giỏi, có tâm hồn của kẻ trượng phu. Với bài thơ bất hủ muôn đời "Nam quốc sơn hà" đánh dấu như một tuyên ngôn đầu tiên của đất nước thời bấy giờ. Ông cũng là người có công xây dựng phát triển các tập quán văn hóa mang bản sắc riêng của Việt Nam ở vùng đất mới.

Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước với chính sách di dân, lập ấp, khai phá ruộng đất, mở rộng phát triển kinh tế, ông đã có những chính sách giảm thuế cho người dân, lúc cần tập trung cho chiến tranh thì khuyến khích, động viên nhân dân tham gia chiến đấu, thời bình thì động viên nhân dân làm ăn yên ổn nhưng cũng không quên luyện tập với chính sách "ngụ binh ư nông" và chính sách đó mãi cho đến thời Trần vẫn còn được áp dụng. Từ khi mảnh đất Quảng Bình được sáp nhập về với quốc gia Đại Việt, Quảng Bình đã được gắn liền với sự phát triển của đất nước. Mặc dù qua nhiều lần đổi tên (1075) nhưng bộ máy quan lại ở Quảng Bình được "Lý Thường Kiệt đã cho

đặt quan lại để cai trị” (Lịch sử Địa lý Quảng Bình" của Lương Duy Tâm, 1989, Bảo tàng Quảng Bình xuất bản, trang 142), kêu gọi cư dân Đại Việt với những chính sách nhằm đặt nền tảng vững chắc, toàn diện cho sự phát triển của dân tộc và của quốc gia phong kiến độc lập. Bộ máy hành chính được thiết lập từ trung ương đến đơn vị cơ sở. Khu vực hành chính có bộ, phủ rồi đến huyện và cuối cùng là hương giáp, ở miền núi thì châu trại, người dân là công dân của nhà nước sống có tổ chức, có pháp luật và quyền lợi đối với nhà nước.

Cuộc chiêu tập dân về mặt pháp lý vùng đất Quảng Bình lúc này có công lao to lớn của Lý Thường Kiệt. Ông là người khai canh mở cõi vùng đất phương Nam đầu tiên trong lịch sử trở thành máu thịt của Tổ quốc. "Người Quảng Bình, đất Quảng Bình chính là biểu tượng cho sự tiên phong về vang vào một thời điểm mà đất nước rất cần sự ổn định mặt Nam, một khu đệm an toàn, tất yếu và cần thiết để có thể vững tâm đối phó với kẻ thù to lớn không cân sức ở mặt Bắc luôn đe dọa đến nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nước nhà" (Nguyễn Hữu Thông - Kỳ yếu Hội thảo xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình). Như vậy, đã chính thức xác lập chủ quyền về mặt tổ chức xã hội, phân cấp quản lý cho vùng đất Quảng Bình của nhà nước Đại Việt lúc bấy giờ. Mảnh đất Quảng Bình chính thức được đưa vào bản đồ nước ta. Chính Lý Thường Kiệt là người có công đầu xác định và đặt nền móng đầu tiên của vùng đất Quảng Bình trọn vẹn cương vực lãnh thổ như ngày nay. Với ý nghĩa đó cho ta thấy công lao của vị anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt đối với Quảng Bình thật là vĩ đại.

Vì thế, chúng ta cần phải làm sáng tỏ hơn nữa những gì liên quan đến cột mốc mà anh hùng Lý Thường Kiệt đã từng đóng góp đối với mảnh đất Quảng Bình. Chúng tôi nghĩ rằng nên chọn mốc để kỷ niệm một sự kiện lịch sử năm 1069 và cũng là để kỷ niệm những đóng

góp của Lý Thường Kiệt đối với Quảng Bình nói riêng, cả nước nói chung nằm trong khung kỷ niệm những sự kiện quan trọng của tỉnh. Cần phát động trong nhân dân tìm hiểu, sưu tầm biên soạn, các văn bản liên quan có giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trong thời kỳ này. Nên chăng cần dựng tượng đài của Lý Thường Kiệt ở một điểm di tích là bờ sông Nhật Lệ để ghi nhớ chiến công anh dũng của quân dân Đại Việt năm 1069 - Nơi mà anh hùng Lý Thường Kiệt đã thân chinh cùng vua Lý Thánh Tông bằng đường thủy tiến vào sông Nhật Lệ đánh bại quân Chiêm Thành và đó cũng là mốc đánh dấu sáp nhập mảnh đất Quảng Bình vào quốc gia Đại Việt. Qua đó có thể giáo dục lòng tự hào về truyền thống cách mạng của cha ông, khơi dậy và tiếp thêm ý chí sức mạnh cho nhân dân Quảng Bình trong việc xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp văn minh ■

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Đại Việt sử ký toàn thư, Nxb Khoa học Xã hội, Tập 1, Hà Nội, 1998.
2. Lịch sử - Địa lý Quảng Bình, Lương Duy Tâm, Bảo tàng Quảng Bình xuất bản, 1998.
3. Lịch sử họ Ngô Việt Nam, Ngô Đức Thắng, Hà Nội, 1994.
4. Lịch sử Việt Nam, Tập 1, Nxb Đại học và THCN, Hà Nội, 1983.
5. Kỳ yếu Hội thảo xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình, Sở KH&CN Quảng Bình xuất bản năm 2001.
6. Quảng Bình qua các thời kỳ, Thư viện Quảng Bình xuất bản năm 1998.
7. Quảng Bình nước non và lịch sử, Nguyễn Tú, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Bình, xuất bản năm 1998.
8. Nghiên cứu lịch sử - Di dân của người Việt từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX, phụ san năm 1994.
9. Việt Nam những sự kiện lịch sử từ khởi thủy đến 1858, Viện Sử học xuất bản.
10. Quảng Bình thời khai thiết, Phan Việt Dũng, Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật, xuất bản năm 2010.
11. Địa chí Đồng Hới, Nguyễn Tú, UBND thành phố Đồng Hới, xuất bản năm 2004.
12. Một số tài liệu liên quan trên mạng Internet.